

Số: **574** /GP-BTNMT

Hà Nội, ngày **11** tháng 3 năm 2019

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT- BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Công ty TNHH MTV Khe Sim - Tổng công ty Đông Bắc ngày 22 tháng 01 năm 2019 cho Dự án Khai thác lộ thiên cải tạo nâng công suất mỏ Tây Lộ Trí và Hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH MTV Khe Sim - Tổng công ty Đông Bắc (có địa chỉ tại Số 1, khu 7B, phường Quang Hanh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh) xả nước thải từ Dự án Khai thác lộ thiên cải tạo nâng công suất mỏ Tây Lộ Trí (tại phường Cẩm Tây và phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh) vào nguồn nước với các nội dung sau:

1. Nguồn tiếp nhận nước thải: suối Ngô Quyền tại phường Cẩm Đông và suối Khe Cát tại phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh sau đó chảy ra Vịnh Bái Tử Long.


2. Vị trí xả nước thải:

2.1 Phường Cẩm Đông và phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

2.2 Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107,45⁰, múi 3⁰):

- Cửa xả nước thải mong khai thác lộ thiên sau xử lý ra suối Ngô Quyền (cửa xả số 1):

X = 2324824

Y = 452507 

- Cửa xả nước thải sinh hoạt sau xử lý ra suối Khe Cát (cửa xả số 2):

$$X = 2325525$$

$$Y = 450086$$

- Cửa xả nước thải xưởng cơ khí sau xử lý ra suối Khe Cát (cửa xả số 3):

$$X = 2325432$$

$$Y = 450119$$

3. Phương thức xả nước thải: Nước thải của moong khai thác lộ thiên, nước thải sinh hoạt và nước thải xưởng cơ khí sau xử lý được dẫn vào hệ thống thoát nước chảy ra suối Ngô Quyền và suối Khe Cát theo phương thức tự chảy, xả mặt, ven bờ.

4. Chế độ xả nước thải: liên tục, 24 giờ/ngày đêm.

5. Tổng lưu lượng xả nước thải lớn nhất tại 03 cửa xả là: 7.255 m³/ngày đêm, cụ thể như sau:

5.1 Tại cửa xả số 1: 7.200m³/ngày đêm;

5.2 Tại cửa xả số 2: 20 m³/ngày đêm;

5.3 Tại cửa xả số 3: 35 m³/ngày đêm.

6. Chất lượng nước thải:

- Đối với nước thải của moong khai thác lộ thiên sau xử lý: Thông số và giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải không vượt quá Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột B với hệ số $K_q = 0,9$; $K_f = 0,9$.

- Đối với nước thải sinh hoạt sau xử lý: Thông số và giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải không vượt quá Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, $K=1$.

- Đối với nước thải xưởng cơ khí sau xử lý: Thông số và giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải không vượt quá Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột B với hệ số $K_q = 0,9$; $K_f = 1,2$.

Bảng 1: Thông số và giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải

| STT | Thông số | Đơn vị | Giá trị giới hạn tối đa | | |
|-----|-------------------------|--------|--|-------------------------------|----------------------------------|
| | | | Nước thải moong khai thác lộ thiên sau xử lý | Nước thải sinh hoạt sau xử lý | Nước thải xưởng cơ khí sau xử lý |
| 1 | pH | - | 5,5 đến 9 | 5 đến 9 | 5,5 đến 9 |
| 2 | Màu | Pt/Co | 150 | - | 150 |
| 3 | BOD ₅ (20°C) | mg/l | 40,5 | 50 | 54 |
| 4 | COD | mg/l | 121,5 | - | 162 |
| 5 | Chất rắn lơ lửng (SS) | mg/l | 81 | - | 108 |
| 6 | Asen | mg/l | 0,081 | - | 0,108 |

| STT | Thông số | Đơn vị | Giá trị giới hạn tối đa | | |
|-----|---|-----------------|-------------------------|-------|--------|
| 7 | Thủy ngân | mg/l | 0,0081 | - | 0,0108 |
| 8 | Chì | mg/l | 0,405 | - | 0,54 |
| 9 | Cadimi | mg/l | 0,081 | - | 0,108 |
| 10 | Crom (VI) | mg/l | 0,081 | - | 0,108 |
| 11 | Crom (III) | mg/l | 0,81 | - | 1,08 |
| 12 | Đồng | mg/l | 1,62 | - | 2,16 |
| 13 | Kẽm | mg/l | 2,43 | - | 3,24 |
| 14 | Niken | mg/l | 0,405 | - | 0,54 |
| 15 | Mangan | mg/l | 0,81 | - | 1,08 |
| 16 | Sắt | mg/l | 4,05 | - | 5,4 |
| 17 | Tổng xianua | mg/l | 0,081 | - | 0,108 |
| 18 | Tổng dầu mỡ khoáng | mg/l | 8,1 | - | 10,8 |
| 19 | Tổng Nitơ | mg/l | 32,4 | - | 43,2 |
| 20 | Tổng Photpho | mg/l | 4,86 | - | 6,48 |
| 21 | Coliform | vi khuẩn /100ml | 5.000 | 5.000 | 5.000 |
| 22 | Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) | mg/l | - | 100 | - |
| 23 | Tổng chất rắn hòa tan | mg/l | - | 1.000 | - |
| 24 | Sulfua (tính theo H ₂ S) | mg/l | - | 4,0 | - |
| 25 | Amoni (tính theo N) | mg/l | 8,1 | 10 | 10,8 |
| 26 | Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N) | mg/l | - | 50 | - |
| 27 | Dầu mỡ động, thực vật | mg/l | - | 20 | - |
| 28 | Tổng các chất hoạt động bề mặt | mg/l | - | 10 | - |
| 29 | Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P) | mg/l | - | 10 | - |

(Ghi chú: Dấu "-": Không quy định).

7. Thời hạn của giấy phép: năm (05) năm. *d*

Điều 2. Công ty TNHH MTV Khe Sim - Tổng công ty Đông Bắc chỉ được phép xả nước thải vào nguồn nước theo nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này nếu bảo đảm các yêu cầu sau đây:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

2. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 của Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13.

3. Thực hiện quan trắc nước thải như sau:

a) Hoàn thành việc lắp đặt và đưa vào vận hành trạm quan trắc tự động để quan trắc tự động, liên tục nước thải moong khai thác lộ thiên sau xử lý trước khi xả vào đường thoát nước ra suối Ngô Quyền với các thông số quan trắc là: pH, COD, TSS và lưu lượng nước thải đầu ra, trước ngày 01 tháng 3 năm 2021.

b) Quan trắc định kỳ chất lượng nước thải của moong khai thác lộ thiên theo tần suất một (01) tháng/lần, nước thải sinh hoạt và nước thải nhiễm dầu sau xử lý theo tần suất ba (03) tháng/lần tại các vị trí trước các cửa xả quy định tại Khoản 2 Điều 1 Giấy phép này theo các cột tương ứng quy định tại Bảng 1 Khoản 6 Điều 1 của Giấy phép này.

4. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình, bảo đảm các thông số chất lượng nước thải luôn đạt quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Giấy phép này trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận; thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép.

Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Giấy phép này và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý tài nguyên nước và môi trường ở Trung ương và địa phương; kết nối kết quả quan trắc tự động, liên tục về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh; chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện, thiết bị cần thiết để sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm nguồn nước, đồng thời báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép và cơ quan chức năng ở địa phương nếu có sự cố, bất thường của hệ thống xử lý nước thải.

6. Định kỳ hằng năm, báo cáo hoạt động xả nước thải vào nguồn nước của Dự án Khai thác lộ thiên cải tạo nâng công suất mỏ Tây Lộ Trí và gửi về Cục Quản lý tài nguyên nước và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh theo quy định.

7. Trường hợp Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường có nội dung quy định về chất lượng nước thải sau xử lý, thông số, tần suất quan trắc, giám sát nước thải sau xử lý khác với Giấy phép này thì thực hiện theo quy định của Giấy phép này.

Điều 3. Công ty TNHH MTV Khe Sim - Tổng công ty Đông Bắc được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 của Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13 và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

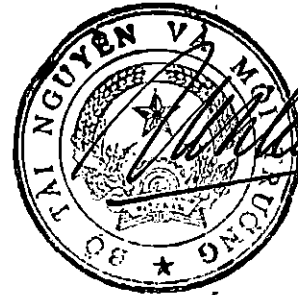
Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Công ty TNHH MTV Khe Sim - Tổng công ty Đông Bắc (02);
- UBND tỉnh Quảng Ninh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh;
- Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Tổng Cục Môi trường;
- Lưu: VT, Hồ sơ cấp phép (TNN-NT-051.18) (02), TNN (02).



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Võ Tuấn Nhân